

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 238/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 11 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đề án Phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới tỉnh
Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28/10/2008 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 13/10/2011 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ sáu Khoá XVIII về phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 27/10/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án Phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1779/TTr-SNN&PTNT ngày 15/11/2011 về việc xin phê duyệt Đề án Phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020, gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Mục tiêu và các chỉ tiêu chủ yếu:

1. Mục tiêu:

Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh

cao, tỷ trọng hàng hóa ngày càng lớn; phát triển nông nghiệp gắn với phát triển công nghiệp, dịch vụ và đô thị theo quy hoạch.

Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý; văn hóa - xã hội tiên bộ, dân chủ được phát huy, môi trường sinh thái được bảo vệ, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao; quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; hệ thống chính trị được củng cố vững chắc.

2. Chỉ tiêu chủ yếu:

- Tốc độ tăng trưởng bình quân nông, lâm, thủy sản giai đoạn 2011 - 2015 đạt từ 4 - 4,5%/năm; giai đoạn 2016 - 2020: 4%/năm.
- Sản lượng lương thực năm 2015: 470.000 tấn; năm 2020: 480.000 tấn.
- Giá trị sản xuất trên 01 ha canh tác năm 2015: 40 đến 45 triệu đồng; năm 2020: 55 triệu đồng.
- Tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp năm 2015: 35%; năm 2020: 40%.
- Độ che phủ của rừng năm 2015: 50%; năm 2020: 52%.
- Sản lượng thủy sản năm 2015: 125.800 tấn; năm 2020: 140.000 tấn.
- Tỷ lệ lao động nông nghiệp năm 2015 còn 47 %; năm 2020: 40%.
- Tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo nghề đến năm 2015 đạt trên 35%; năm 2020: 45%.
- Tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2011-2015 giảm 4-5%/năm (trong đó miền núi giảm 5-7%/năm); đến năm 2020 còn dưới 10%.
- Tỷ lệ hộ dân dùng nước sạch hợp vệ sinh năm 2015: 90%; năm 2020: 98%.
- Triển khai thực hiện Bộ Tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn của 164 xã thuộc 13 huyện; trong đó tập trung chỉ đạo để đến năm 2015 có 33 xã (20% số xã) và 01 huyện (Nghĩa Hành) đạt tiêu chí quốc gia về nông thôn mới và đến năm 2020 có 89 xã (54% số xã) và 3 huyện đạt tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

II. Kế hoạch thực hiện:

1. Kế hoạch phát triển nông nghiệp: Như phụ lục 1 kèm theo.

2. Kế hoạch xây dựng nông thôn mới: Như phụ lục 2 và 3 kèm theo.

Thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn 164 xã thuộc 13 huyện của tỉnh. Đến năm 2015 có 33 xã và huyện Nghĩa Hành đạt tiêu chí nông thôn mới và đến năm 2020 có 89 xã và 3 huyện đạt tiêu chí nông thôn mới.

Danh sách cụ thể 33 xã phấn đấu đạt tiêu chí quốc gia về nông thôn mới đến năm 2015 như phụ lục 4 kèm theo.

III. Những nhiệm vụ chủ yếu:

1. Tập trung phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại; tiếp tục chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn:

a) Phát triển trồng trọt theo quy hoạch, chú trọng ổn định diện tích trồng cây lương thực, nhất là đất lúa để góp phần bảo đảm an ninh lương thực trên địa bàn; hình thành vành đai nông nghiệp phục vụ các đô thị, khu công nghiệp, Khu kinh tế Dung Quất; phát triển vùng cây nguyên liệu theo hướng tập trung, chuyên canh, phục vụ nhu cầu chế biến trên địa bàn tỉnh. Phát triển mạnh chăn nuôi theo phương thức công nghiệp, bán công nghiệp, an toàn dịch bệnh, đưa chăn nuôi trở thành ngành sản xuất chính, chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong nông nghiệp. Phấn đấu xây dựng khu nông nghiệp công nghệ cao tại huyện Bình Sơn vào năm 2014.

b) Phát triển lâm nghiệp toàn diện, trước hết là công tác trồng rừng, làm giàu rừng, chú trọng phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn, ven biển, đảo Lý Sơn; kết hợp phương thức trồng rừng tập trung và trồng rừng trong nhân dân; nghiên cứu bổ sung các loại cây trồng có giá trị cao, phù hợp với điều kiện tự nhiên, tạo sinh kế và tăng thu nhập cho nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc ở miền núi. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, ngăn chặn kịp thời tình trạng phá rừng. Tổ chức tốt việc khai thác, chế biến lâm sản theo quy hoạch, từng bước hiện đại hóa công nghệ khai thác, chế biến.

c) Đẩy mạnh phát triển toàn diện ngành thủy sản, tổ chức thực hiện tốt Kết luận của Tỉnh uỷ khoá XVIII về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, khoá X về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020; khuyến khích cải hoán và đóng mới tàu thuyền có công suất lớn; hình thành các tổ chức đánh bắt và nuôi trồng hải sản xa bờ kết hợp với bảo vệ chủ quyền, an ninh biển, đảo và bảo vệ quyền lợi của ngư dân; chú trọng nuôi trồng thủy sản trên các loại hình mặt nước (ngọt, lợ, mặn) theo hướng đa dạng hoá sản phẩm và thâm canh công nghiệp; phát triển các cơ sở dịch vụ, hậu cần nghề cá, trước hết là Cảng cá Sa Huỳnh, Cảng cá Sa Cần, Trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá Sa Kỳ, nạo vét cửa Đại (Nghĩa Phú), triển khai xây dựng cảng cá Mỹ Á (giai đoạn II), cửa Đại - Cổ Lũy, vũng neo đậu tàu thuyền Lý Sơn (Giai đoạn II); hiện đại hoá cơ sở chế biến, xây dựng doanh nghiệp mạnh trong chế biến và xuất khẩu thủy sản. Ổn định diện tích sản xuất muối, có chính sách khuyến khích diêm dân đầu tư xây dựng hạ tầng, cải tạo đồng muối để nâng năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm.

d) Phát triển mạnh công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ để tạo chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động ở nông thôn:

Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn theo hướng tập trung, khuyến khích các ngành công nghiệp chế biến, sử dụng nguyên liệu tại chỗ và phục vụ xuất khẩu. Bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề truyền thống, phát triển ngành nghề mới theo nhu cầu thị trường và thế mạnh của địa phương. Chú trọng phát triển làng nghề mới có giá trị, hiệu quả, tạo việc làm cho nhiều lao động. Tiếp tục hoàn thiện kết cấu hạ tầng các cụm công nghiệp - làng nghề theo quy hoạch, trước mắt ưu tiên đầu tư các cụm công nghiệp, làng nghề đã có nhiều dự án đi vào sản xuất.

Đẩy mạnh phát triển dịch vụ theo hướng đa dạng, từng bước hiện đại; củng cố và phát triển các ngành dịch vụ đã có đồng thời mở mang những dịch vụ mới nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của sản xuất và đời sống; chú trọng xây dựng trung

tâm thương mại, diêm thương mại, dịch vụ; nâng cấp, xây dựng hệ thống chợ nông thôn, trong đó ưu tiên các chợ đầu mối; tăng cường xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường; củng cố thương hiệu hành, tỏi Lý Sơn, quế Trà Bồng; quảng bá thương hiệu muối Sa Huỳnh; phấn đấu xây dựng một số thương hiệu mới cho sản phẩm nông, lâm, thủy sản.

e) Phát huy lợi thế, đẩy mạnh phát triển kinh tế vùng:

- Miền núi: phát triển cây nguyên liệu giấy, cây mỳ phục vụ công nghiệp chế biến và một số cây thuộc nhóm đặc sản như quế, cau, cây gỗ bản địa, lâm sản dưới tán rừng...; phát triển chăn nuôi đại gia súc (trâu, bò), khuyến khích phát triển chăn nuôi trang trại; quy hoạch, hình thành các bãi chăn thả gia súc, du nhập một số giống cỏ phù hợp cho phát triển chăn nuôi của vùng.

Tập trung thực hiện thắng lợi Nghị quyết của HĐND tỉnh về đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu giảm nghèo nhanh và bền vững ở 6 huyện miền núi của tỉnh theo giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020.

- Đồng bằng: Phát triển cây lương thực có hạt (lúa, ngô), bảo đảm an ninh lương thực cho địa bàn toàn tỉnh, xây dựng các vùng chuyên canh sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao với diện tích 5.000 ha; phát huy thế mạnh về cây thực phẩm, nâng cao chất lượng các vùng rau chuyên canh, hình thành ổn định vùng sản xuất rau an toàn; ổn định và nâng cao năng suất, chất lượng vùng mía nguyên liệu; phát triển nghề trồng hoa và sinh vật cảnh; xây dựng một số vùng sản xuất cây ăn quả phù hợp như bưởi, chôm chôm, xoài, chuối...; phát triển chăn nuôi đàn bò lai, đàn heo và gia cầm theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp, trang trại và an toàn dịch bệnh; khôi phục và phát triển ngành nghề, làng nghề truyền thống, phát triển ngành nghề mới trong nông thôn; tập trung triển khai thực hiện các chương trình, dự án sản xuất nông sản an toàn phục vụ đời sống nhân dân, chuyên gia và người lao động.

- Ven biển và hải đảo: Phát triển khai thác, nuôi trồng thủy hải sản theo hướng công nghiệp, bền vững gắn với nhu cầu nội tiêu và xuất khẩu; khuyến khích đầu tư cải hoán, đóng mới tàu cá theo hướng nâng công suất, trang bị đầy đủ trang thiết bị phục vụ khai thác, chế biến phục vụ đánh bắt xa bờ; phát huy có hiệu quả tổ chức Nghiệp đoàn nghề cá huyện Lý Sơn đã được thành lập; hình thành nhanh các tổ chức kinh tế hợp tác trong khai thác, đánh bắt hải sản như HTX đánh bắt, tổ đoàn kết trên biển...; chú trọng đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng thủy sản, cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá; phát triển nuôi trồng thủy sản, chú trọng đối tượng nuôi tôm thẻ chân trắng và một số thủy đặc sản (cá chình, cá bống tượng, cua, cá chẽm...); hạn chế tình hình dịch bệnh và nguy cơ gây ô nhiễm môi trường trong nuôi trồng thủy sản; khắc phục các hạn chế, nâng cao chất lượng trong hoạt động chế biến thủy sản; phát triển nghề muối, ổn định vùng sản xuất muối Sa Huỳnh, phát huy thương hiệu đã được xây dựng, từng bước đầu tư nâng cấp thành đồng muối công nghiệp.

f) Ứng dụng, đưa nhanh các tiến bộ về khoa học - công nghệ vào sản xuất nông nghiệp (bao gồm cả nông, lâm, ngư và diêm nghiệp), chú trọng các lĩnh vực có tính chất đột phá như giống, công nghệ sinh học, giải pháp kỹ thuật về an toàn dịch bệnh trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản...; khuyến khích và tạo điều kiện cho ngư dân

trang bị các phương tiện phục vụ cho đánh bắt và an toàn trong mùa mưa bão; tăng cường đầu tư cho công tác khuyến nông, nhất là ở miền núi nhằm thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi tập quán canh tác của đồng bào dân tộc thiểu số; nghiên cứu các giải pháp về thị trường, chuỗi giá trị để gắn sản xuất với thị trường, phát triển nhanh sản xuất hàng hoá.

2. Đẩy mạnh thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới:

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 theo Quyết định 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Chính phủ, trong đó chú trọng:

a) Xây dựng hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn, bảo đảm tính đồng bộ, mỹ quan, từng bước hiện đại, đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống:

- Đẩy mạnh phát triển giao thông nông thôn, hình thành mạng lưới giao thông rộng khắp, bảo đảm giao thông thông suốt trong mọi điều kiện thời tiết. Thực hiện duy tu bảo dưỡng, nâng cấp thường xuyên hệ thống giao thông, nhất là đường đến trung tâm xã. Chỉ đạo sơ kết việc thực hiện Đề án phát triển giao thông nông thôn, miền núi, trên cơ sở đó tiếp tục triển khai thực hiện, phấn đấu nâng tỷ lệ đường xã được nhựa hoá, cứng hoá lên 70% vào năm 2020.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp, xây dựng các công trình thủy lợi theo quy hoạch, đồng thời xây dựng, kiên cố hóa hệ thống kênh mương để đảm bảo đáp ứng nước cho sản xuất và dân sinh; hoàn thành việc xây dựng công trình Hồ chứa nước Nước Trong; nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi hiện có nhằm nâng cao hiệu suất khai thác; chỉ đạo sơ kết việc thực hiện Đề án kiên cố hóa kênh mương thủy lợi để tiếp tục triển khai thực hiện, phấn đấu đến năm 2020 có 75% diện tích canh tác được tưới hàng năm và cơ bản đáp ứng nước phục vụ nuôi trồng thủy sản; xây dựng, hoàn thiện các cảng neo đậu tàu thuyền, cảng cá, trước hết là vũng neo đậu tàu thuyền Lý Sơn (giai đoạn II); cảng cá Sa Huỳnh, Sa Cần, Mỹ Á,...

- Nâng cấp hệ thống điện để đảm bảo truyền tải, cung cấp đủ điện phục vụ cho sản xuất, sinh hoạt của dân cư nông thôn; tranh thủ nguồn vốn đầu tư để phát triển điện năng cho huyện Lý Sơn; phấn đấu đến năm 2015 có hơn 99% và năm 2020 có 100% hộ dân nông thôn sử dụng điện, trong đó hầu hết được sử dụng thường xuyên, an toàn từ các nguồn.

- Hoàn thiện mạng lưới bưu chính - viễn thông ở nông thôn, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống bưu điện văn hoá xã, phấn đấu đến năm 2020, 100% số xã có bưu điện văn hoá; khuyến khích phát triển Internet đến khắp các thôn, xã.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp mạng lưới y tế cơ sở, chú trọng mạng lưới y tế dự phòng và bệnh viện đa khoa tuyến huyện; kiên cố hoá trường, lớp học và nhà công vụ giáo viên theo đúng tiến độ Đề án; thực hiện đầu tư xây dựng, nâng cấp các thiết chế văn hoá, sinh hoạt cộng đồng thôn, xã, phấn đấu đến năm 2020: 100% số thôn có nhà sinh hoạt văn hóa.

- Đầu tư xây dựng hạ tầng các khu dân cư theo quy hoạch bố trí dân cư vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, hải đảo, di cư tự do trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2010-2015

theo Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg ngày 24/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ gắn với xây dựng nông thôn mới, xây dựng nhà ở theo tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về tìm kiếm, cứu nạn đến năm 2020; các quy hoạch, cơ chế, chính sách, chương trình, dự án của Chính phủ nhằm giảm thiểu các tác động xấu của biến đổi khí hậu, đặc biệt là các huyện ven biển, đảo của tỉnh; đầu tư xây dựng các công trình xử lý rác thải, nước thải, chất thải rắn theo quy hoạch.

- Chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao ý thức trách nhiệm của toàn xã hội về bảo vệ môi trường; xây dựng các tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường trên địa bàn thôn, xã; đầu tư xây dựng các công trình xử lý rác thải, nước thải, chất thải rắn theo quy hoạch.

b) Phát triển giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá:

- Phát triển toàn diện hệ thống giáo dục, tăng quy mô và không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo ở các cấp học. Đến năm 2015, hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; củng cố vững chắc kết quả phổ cập tiểu học đúng độ tuổi và trung học cơ sở; chú trọng nâng cao chất lượng, đồng thời đẩy mạnh đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm theo nghề đào tạo cho lao động ở nông thôn.

- Tiếp tục xây dựng, triển khai các chương trình, đề án, chính sách nhằm: nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho dân cư nông thôn; thực hiện tốt chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình; giảm mạnh tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng.

- Phát triển văn hóa, hướng trọng tâm đạt thôn, xã văn hóa theo tiêu chuẩn quy định. Chú trọng xây dựng lối sống, nếp sống văn hoá trong sạch, lành mạnh; bảo tồn, kế thừa và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống, cách mạng; quản lý, khai thác có hiệu quả các di tích lịch sử văn hoá gắn với phát triển du lịch. Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá".

c) Giảm nghèo và bảo đảm an sinh xã hội:

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt nội dung Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011-2020; chú trọng đa dạng hoá các nguồn lực và phương thức giúp đỡ hộ nghèo vươn lên thoát nghèo; tiếp tục tổ chức thực hiện tốt chủ trương: "mỗi xã khó khăn có một cơ quan, đơn vị giúp đỡ".

- Thực hiện có hiệu quả các chương trình giải quyết việc làm, nhất là các vùng chuyển đổi mục đích sử dụng đất để phát triển công nghiệp, đô thị. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động; thực hiện tốt các chính sách xã hội, nhất là chính sách đối với người có công, gia đình có công với cách mạng.

- Tuyên truyền vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, phấn đấu đến năm 2015 phần lớn cư dân nông thôn có bảo hiểm y tế; triển khai thực hiện bảo hiểm nông nghiệp cho nông dân; vận động đóng góp Quỹ hỗ trợ ngư dân của tỉnh.

d) Bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn nông thôn:

- Tiếp tục củng cố thể trận an ninh nhân dân gắn với thể trận quốc phòng toàn

dân trên từng địa bàn; chú trọng công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội ở địa bàn nông thôn, nhất là những xã đã xác định là trọng điểm về quốc phòng - an ninh và xã trọng điểm phức tạp về an ninh, trật tự.

- Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho dân cư nông thôn, nhất là ngư dân; triển khai thực hiện tốt các quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở, giải quyết kịp thời các vụ việc khiếu kiện, tranh chấp của nhân dân, không để các vụ việc tồn đọng, phát sinh khiếu kiện đông người, bị lợi dụng kích động để trở thành vấn đề an ninh chính trị.

IV. Giải pháp chủ yếu:

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền:

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, đảng viên, nhân dân trong tỉnh về tầm quan trọng, ý nghĩa của phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới nhằm tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động.

b) Đưa kiến thức về xây dựng nông thôn mới vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng của Trường Chính trị tỉnh và trung tâm bồi dưỡng chính trị các huyện trong các khoá đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xã, thôn.

c) Kết hợp tuyên truyền và vận động nhân dân khắc phục tâm lý ỷ lại, tích cực chủ động phấn đấu vươn lên thoát nghèo; tuyên truyền, nêu gương đồng thời có hình thức khen thưởng đối với hộ thoát nghèo; tuyên dương khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân có nhiều thành tích giúp đỡ hộ thoát nghèo.

2. Xây dựng, tổ chức thực hiện tốt các quy hoạch, kế hoạch phát triển:

a) Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch đã được phê duyệt; xây dựng và tổ chức thực hiện các quy hoạch phát triển nông nghiệp giai đoạn 2011-2020, trong đó chú trọng quy hoạch phát triển các cây nguyên liệu (mỳ, mía, keo), vùng cây ăn quả, vùng sản xuất rau an toàn; quy hoạch phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp, khuyến khích chăn nuôi tập trung gắn với cơ sở giết mổ, đảm bảo vệ sinh thực phẩm và bảo vệ môi trường.

b) Thông qua điều tra cơ bản, nắm chắc thực trạng nông thôn trên địa bàn tỉnh; tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ lập các quy hoạch xây dựng nông thôn mới, phấn đấu hoàn thành công tác này trong năm 2012.

c) Khẩn trương xây dựng, hoàn thành việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011-2020 ở các huyện, xã trước quý II năm 2012; tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất ở các huyện, xã phải gắn với thực hiện quy hoạch, đề án xây dựng nông thôn mới của huyện, xã.

3. Tăng đầu tư từ ngân sách và huy động các nguồn lực xã hội:

a) Rà soát, điều chỉnh cơ cấu đầu tư ngân sách nhà nước theo hướng tăng đầu tư phát triển cho khu vực nông nghiệp, nông thôn, giai đoạn 2011-2015 tăng gấp đôi so với giai đoạn 2006-2010; tiếp tục hoàn thiện việc phân cấp thu chi ngân sách cho cấp huyện, xã.

b) Cùng với nguồn vốn ngân sách, vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước, có chính

sách khuyến khích các định chế tài chính tăng tín dụng nông nghiệp, nông thôn; chú trọng tranh thủ vốn ODA, NGO và các đối tác phát triển quốc tế khác.

c) Huy động nguồn lực trong dân để đầu tư phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng theo phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", "Nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ".

d) Cơ chế huy động vốn:

- Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn của các chương trình mục tiêu Quốc gia; các chương trình, dự án có mục tiêu trên địa bàn xã, gồm: vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu đang triển khai trên địa bàn nông thôn và tiếp tục triển khai trong những năm tiếp theo, như: Chương trình giảm nghèo; Chương trình quốc gia về việc làm; Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; Chương trình phòng, chống tội phạm; Chương trình dân số và kế hoạch hoá gia đình; Chương trình phòng, chống một số bệnh xã hội; Chương trình thích ứng với biến đổi khí hậu; Chương trình về văn hoá; Chương trình về giáo dục; Chương trình 30a; hỗ trợ đầu tư trụ sở xã; hỗ trợ khám chữa bệnh cho người nghèo...; đầu tư kiên cố hoá trường học, lớp học; kiên cố hoá kênh mương; phát triển đường giao thông nông thôn; phát triển cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản, làng nghề... và vốn ngân sách hỗ trợ trực tiếp từ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

- Huy động tối đa nguồn lực của địa phương (tỉnh, huyện, xã) để tổ chức triển khai Chương trình; tăng tỷ lệ vốn thu được từ đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn xã (sau khi đã trừ chi phí) để lại cho ngân sách xã 70% thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới.

- Huy động vốn đầu tư của các doanh nghiệp đối với các công trình có khả năng thu hồi vốn trực tiếp; doanh nghiệp được vay vốn tín dụng đầu tư phát triển và được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật.

- Huy động các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện của nhân dân (được Hội đồng nhân dân xã thông qua cho từng dự án cụ thể); các khoản viện trợ không hoàn lại của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho các dự án đầu tư.

- Sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn tín dụng: Vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước từ trung ương phân bổ theo chương trình kiên cố hóa kênh mương, phát triển đường giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản và cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn và vốn tín dụng thương mại theo quy định tại Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

- Huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác.

- Ưu tiên hỗ trợ cho các địa phương được chọn để tập trung chỉ đạo đạt tiêu chí nông thôn mới vào năm 2015.

e) Nhu cầu vốn đầu tư:

Nhu cầu kinh phí đầu tư giai đoạn 2011-2015*DVT: tỷ đồng*

Nguồn vốn	Tổng số	Chia ra				
		2011	2012	2013	2014	2015
Tổng số	6.617	28	1.777	1576	1.844	1.392
1. Cho 33 xã đạt tiêu chí NTM năm 2015 (160 tỷ/xã)	5.286	6	1.426	1.267	1.478	1.109
Trong đó:						
- Ngân sách (40%)	2.120	6	570	507	627	410
- Tín dụng (30%)	1.585		427	380	470	308
- Doanh nghiệp (20%)	1.057		285	253	314	205
- Vốn dân và huy động khác (10%)	524		144	127	67	186
2. Cho 131 xã còn lại (10 tỷ/xã)	1.331	22	351	309	366	283
Trong đó:						
- Ngân sách (40%)	545	22	140	124	146	113
- Tín dụng (30%)	393		105	93	110	85
- Doanh nghiệp (20%)	262		70	62	73	57
- Vốn dân và huy động khác (10%)	131		36	30	37	28

4. Xây dựng mới, rà soát, bổ sung, hoàn thiện và tổ chức thực hiện tốt các cơ chế, chính sách:

a) Triển khai thực hiện Luật đất đai (sửa đổi, bổ sung); có chính sách khuyến khích "dồn điền, đổi thửa"; thực hiện chính sách giá đất đảm bảo hài hoà quyền lợi của người sử dụng đất, nhà đầu tư và Nhà nước khi Nhà nước thu hồi đất; khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia góp vốn bằng quyền sử dụng đất vào các dự án đầu tư, kinh doanh; khẩn trương sơ kết công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để rút kinh nghiệm chỉ đạo tốt hơn; đánh giá hiệu quả sử dụng đất của các đơn vị quản lý đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh để có chỉ đạo cụ thể; tiếp tục thực hiện tốt chính sách giao đất, giao rừng để các tổ chức, cá nhân yên tâm đầu tư sản xuất, sử dụng đất hiệu quả hơn.

b) Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ; đào tạo nhân lực, tạo đột phá để hiện đại hoá nông nghiệp, công nghiệp hoá nông thôn:

- Ứng dụng, đưa nhanh các tiến bộ về khoa học - công nghệ vào sản xuất nông nghiệp (bao gồm cả nông, lâm, ngư và diêm nghiệp), chú trọng các lĩnh vực có tính

chất đột phá như giống, công nghệ sinh học, giải pháp kỹ thuật về an toàn dịch bệnh trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản...; khuyến khích và tạo điều kiện cho ngư dân trang bị các phương tiện phục vụ cho đánh bắt và an toàn trong mùa mưa bão; tăng cường đầu tư cho công tác khuyến nông, nhất là ở miền núi nhằm thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi tập quán canh tác của đồng bào dân tộc thiểu số; nghiên cứu các giải pháp để gắn sản xuất với thị trường, phát triển nhanh sản xuất hàng hoá; rà soát, bổ sung chính sách nhằm đẩy mạnh việc ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ để giải quyết những vấn đề đặt ra trong nông nghiệp, nông thôn của tỉnh; khuyến khích cơ giới hóa trong các khâu của sản xuất nông nghiệp.

- Thực hiện chính sách thu hút thanh niên, trí thức trẻ về nông thôn, công tác ở cơ sở, nhất là trong các ngành nông nghiệp, y tế, giáo dục,...

- Nghiên cứu đào tạo, bồi dưỡng kiến thức khoa học, kỹ thuật sản xuất tiên tiến, hiện đại cho nông dân phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh ta.

c) Thực hiện tốt chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, đồng thời nghiên cứu, có chính sách hỗ trợ riêng của tỉnh đối với các vùng khó khăn ở nông thôn, miền núi; có cơ chế để doanh nghiệp, nhà đầu tư đóng góp xây dựng địa phương nơi đến đầu tư.

5. Xây dựng các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ có hiệu quả:

a) Tiếp tục thực hiện các chính sách của Trung ương về đổi mới, khuyến khích, hỗ trợ phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác trong nông nghiệp, nông thôn; chú trọng việc củng cố, tổ chức lại các hợp tác xã hiện có, đồng thời với hình thành hợp tác xã mới; tạo điều kiện để hợp tác xã tham gia các dự án phát triển nông thôn; tiến hành thí điểm việc thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã khai thác hải sản xa bờ và nghiệp đoàn nghề cá ở một số địa phương; phấn đấu đến năm 2015 có trên 50%, năm 2020 có 70% số hợp tác xã đạt khá, giỏi.

b) Thực hiện liên kết "4 nhà", chú trọng việc gắn kết giữa doanh nghiệp với hộ nông dân; giải quyết hài hoà lợi ích giữa người cung ứng và doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu nông lâm sản; cụ thể hoá, triển khai thực hiện các chính sách để khuyến khích, hỗ trợ phát triển mạnh kinh tế hộ theo hướng gia trại, trang trại có quy mô phù hợp, từng bước tiến lên sản xuất hàng hoá lớn.

6. Lựa chọn địa phương để chỉ đạo điểm:

- Cấp tỉnh chọn huyện Nghĩa Hành và 04 xã: Đức Tân (huyện Mộ Đức), Nghĩa Hòa (huyện Tư Nghĩa), Ba Chùa (huyện Ba Tơ) và Hành Minh (huyện Nghĩa Hành) chỉ đạo điểm để rút kinh nghiệm chỉ đạo các địa phương khác.

- Cấp huyện: lựa chọn từ 01 đến 02 xã để chỉ đạo điểm, do UBND huyện lựa chọn và chỉ đạo điểm.

7. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị và toàn dân:

a) Tiếp tục xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững chắc, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn; đẩy mạnh cải cách

hành chính, thực hiện quản lý nhà nước theo pháp luật; tăng cường đào tạo, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ huyện, xã theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII và Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh uỷ khoá XVIII về phát triển nguồn nhân lực.

b) Cùng cố tổ chức Mặt trận, các đoàn thể nhân dân, nhất là ở xã, thôn để thực hiện các chương trình hành động, kế hoạch phối hợp; tổ chức vận động nhân dân thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới; đồng thời, thực hiện tốt chức năng giám sát và phản biện xã hội; tiếp tục xây dựng giai cấp nông dân vững mạnh làm nòng cốt trong phong trào xây dựng nông thôn mới; phát huy vai trò và trách nhiệm của Hội nông dân trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, đồng thời tạo điều kiện để Hội nông dân các cấp trực tiếp thực hiện hoặc phối hợp thực hiện một số chương trình, đề án phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội nông thôn giai đoạn 2011-2020 theo Quyết định số 673/QĐ-TTg ngày 10/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

V. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Là cơ quan Thường trực của Ban chỉ đạo Chương trình, chủ trì và phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan xây dựng kế hoạch 5 năm và hàng năm về mục tiêu, nhiệm vụ, các giải pháp và nhu cầu kinh phí thực hiện chương trình; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp báo cáo và tham mưu cho UBND tỉnh quyết định bố trí vốn thực hiện Chương trình.

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát tính hình thực hiện Chương trình của các sở, ngành, địa phương; kịp thời báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh xem xét giải quyết.

- Trực tiếp tham mưu, chỉ đạo thực hiện các nội dung:

+ Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng phát triển hàng hóa, có hiệu quả kinh tế cao;

+ Tăng cường công tác khuyến nông; đẩy nhanh nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp;

+ Cơ giới hóa nông nghiệp, giảm tổn thất sau thu hoạch trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp;

+ Bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống theo phương châm "mỗi làng một sản phẩm", phát triển ngành nghề theo thế mạnh của địa phương;

+ Cải tạo, xây dựng mới hệ thống thủy lợi trên địa bàn xã;

+ Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy kinh tế giữa các loại hình kinh tế ở nông thôn;

+ Phát triển kinh tế hộ, trang trại, hợp tác xã;

+ Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; xây dựng các công trình bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn xã, thôn theo quy hoạch;

+ Tổ chức đầu tư, xây dựng các khu tái định cư phục vụ cho việc di dời dân

các vùng sạt lở do thiên tai.

2. Sở Giao thông vận tải: Hướng dẫn xây dựng mới và nâng cấp, mở rộng và hoàn thiện hệ thống giao thông trên địa bàn xã theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

3. Sở Xây dựng: Hướng dẫn, hỗ trợ địa phương hoàn thành quy hoạch xây dựng nông thôn mới theo Thông tư số 09/2010/TT-BXD ngày 04/8/2010 của Bộ Xây dựng về việc quy định lập nhiệm vụ, đồ án quy hoạch và quản lý quy hoạch nông thôn mới.

4. Sở Công Thương:

- Hoàn thiện hệ thống các công trình cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên địa xã;

- Hướng dẫn xây dựng hệ thống chợ nông thôn.

5. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch:

- Hướng dẫn, chỉ đạo đánh giá lại, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa, thể thao trên địa bàn xã theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới;

- Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa.

6. Sở Y tế:

- Hướng dẫn, chỉ đạo đánh giá, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ việc chuẩn hóa về y tế trên địa bàn xã theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới;

- Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về y tế;

7. Sở Giáo dục và Đào tạo: Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu Bộ tiêu chí Quốc gia xây dựng nông thôn mới.

8. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Hướng dẫn quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất cấp xã;

- Hướng dẫn việc bảo vệ môi trường nông thôn.

9. Sở Nội vụ:

- Hướng dẫn đánh giá, nâng cấp hoàn chỉnh trụ sở xã và các công trình phụ trợ theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới;

- Tổ chức đào tạo cán bộ xã đạt chuẩn;

- Xây dựng chính sách khuyến khích, thu hút cán bộ trẻ đã được đào tạo, đủ tiêu chuẩn về công tác ở các xã;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức Lễ phát động “Quảng Ngãi chung tay xây dựng nông thôn mới”; theo dõi phong trào thi đua, phát hiện các tổ chức, cá nhân, các điển hình tiên tiến có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới để kịp thời biểu dương, khen thưởng.

- Tham mưu cho UBND tỉnh bố trí biên chế cán bộ chuyên trách xây dựng

nông thôn mới cho Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện.

10. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn, giải quyết việc làm và chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động nông thôn; xuất khẩu lao động nông thôn;
- Tiếp tục triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo;
- Thực hiện các chương trình an sinh xã hội.

11. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Tiếp tục triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo;
- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cơ quan Thường trực Chương trình) xây dựng định hướng các nội dung thông tin xây dựng nông thôn mới trong từng thời kỳ để các cơ quan thông tấn, báo chí đưa tin tuyên truyền.

12. Công an tỉnh:

- Hướng dẫn việc ban hành nội quy, quy ước làng xóm về trật tự, an ninh, phòng chống tệ nạn xã hội và hủ tục lạc hậu;
- Điều chỉnh và bổ sung chức năng, nhiệm vụ và chính sách tạo điều kiện cho lực lượng an ninh xã, thôn, xóm hoàn thành nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn.

13. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện tổng hợp nhu cầu vốn đầu tư, cân đối bố trí vốn ngân sách thực hiện Chương trình; phối hợp với các sở ngành liên quan xây dựng cơ chế, chính sách, quản lý thực hiện chương trình.

14. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác định vốn ngân sách đối với từng nhiệm vụ cụ thể; chịu trách nhiệm hướng dẫn cơ chế tài chính thực hiện chương trình; giám sát chi tiêu, thường xuyên thanh tra, kiểm tra việc sử dụng các nguồn vốn đầu tư cho chương trình; quản lý chặt chẽ kinh phí quy hoạch và các nguồn vốn chương trình mục tiêu khác không có tính chất đầu tư - xây dựng; tổng hợp quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình.

15. Sở Tư pháp:

- Hướng dẫn, giúp đỡ UBND xã, phường, thị trấn hoàn thành và nâng cao tư sách pháp luật cấp xã;
- Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật và tư vấn trợ giúp pháp lý cho nông dân.

16. Các Hội đoàn thể tỉnh: Xây dựng chương trình và kế hoạch hành động để tổ chức vận động hội viên tích cực tham gia thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

17. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan thuộc UBND tỉnh với các ban đảng của Tỉnh ủy và các hội đoàn thể tỉnh nhằm huy động cả hệ thống chính trị thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;

- Triển khai thực hiện đề án "Nâng cao chất lượng cuộc vận động toàn dân đoàn kết, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với xây dựng nông thôn mới";

18. UBND các huyện:

- Tổ chức triển khai, phân công trách nhiệm của từng cấp, ngành ở huyện trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Đề án Phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020;

- Xây dựng kế hoạch 5 năm và hàng năm giai đoạn 2011-2015 về xây dựng nông thôn mới, trình Ban Thường vụ huyện ủy và HĐND huyện thông qua, tạo sự đồng thuận trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch;

- Chỉ đạo lồng ghép có hiệu quả các Chương trình, dự án trên địa bàn; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc quản lý thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ và hàng năm theo quy định;

- Chỉ đạo UBND các xã:

+ Tổ chức khảo sát, đánh giá thực trạng nông thôn theo 19 tiêu chí nông thôn mới.

+ Lập quy hoạch xây dựng nông thôn mới, trước hết là hoàn thành quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới cấp xã và trình UBND huyện phê duyệt. Đối với 33 xã phấn đấu đạt tiêu chí nông thôn mới vào năm 2015, đồ án quy hoạch chung phải được UBND huyện phê duyệt trước ngày 31/3/2012; các xã còn lại hoàn thành công tác này chậm nhất là 30/9/2012;

+ Lập Đề án xây dựng nông thôn mới cấp xã;

+ Tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch xây dựng nông thôn mới, Đề án xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã.

- Phản ánh những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tham mưu, đề xuất cho UBND tỉnh giải quyết kịp thời.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Cao Khoa

Phụ lục 1:
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP ĐẾN NĂM 2015
(Kèm theo Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 25/11/2011
của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng
1	<i>Nông nghiệp</i>		
<i>a</i>	<i>Trồng trọt</i>		
-	Sản lượng lương thực	tấn	470.000
	Trong đó: + Thóc	tấn	412.000
	+ Ngô	tấn	58.000
-	Sản lượng mía cây	tấn	300.000
-	Sản lượng lạc vỏ	tấn	12.600
-	Sản lượng mỳ	tấn	310.000
<i>b</i>	<i>Chăn nuôi</i>		
-	Đàn trâu	con	56.000
-	Đàn bò	con	380.000
-	Tỷ lệ bò lai	%	56
-	Đàn lợn	con	630.000
-	Sản lượng thịt hơi xuất chuồng	tấn	81.000
2	<i>Lâm nghiệp</i>		
-	Diện tích rừng	ha	251.397
	Trong đó: + Rừng phòng hộ	ha	108.867
	+ Rừng sản xuất	ha	142.530
-	Độ che phủ của rừng	%	50
-	Khai thác gỗ từ rừng trồng	tấn	250.000
3	<i>Thủy sản</i>		
<i>a</i>	<i>Khai thác thủy sản</i>		
-	Sản lượng thủy sản khai thác	tấn	115.000
	Trong đó: + Khai thác biển	tấn	114.000
	+ Khai thác nội địa	tấn	1.000
<i>b</i>	<i>Nuôi trồng thủy sản</i>		
-	Diện tích nuôi trồng thủy sản	ha	2.550
	Trong đó: Diện tích nuôi tôm	ha	850
-	Sản lượng nuôi trồng	tấn	10.800
	Trong đó: Sản lượng tôm nuôi	tấn	9.000
<i>c</i>	<i>Phương tiện khai thác thủy sản</i>		
-	Số lượng tàu thuyền	chiếc	5.500
-	Tổng công suất	CV	550.000

Phụ lục 2:
KẾ HOẠCH XÂY DỰNG XÃ ĐẠT TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI
(Kèm theo Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 25/11/2011
của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Huyện	Tổng số xã Xây dựng NTM	Số xã đạt tiêu chí NTM	
			Đến năm 2015	Đến năm 2020
I	Khu vực đồng bằng	97	28	63
1	Nghĩa Hành	11	9	10
2	Tư Nghĩa	16	5	12
3	Sơn Tịnh	20	4	15
4	Mộ Đức	12	4	8
5	Bình Sơn	24	3	10
6	Đức Phổ	14	3	8
II	Khu vực miền núi	64	4	24
1	Trà Bồng	9	1	4
2	Sơn Hà	13	1	5
3	Minh Long	5	1	3
4	Ba Tơ	19	1	8
5	Tây Trà	9	0	2
6	Sơn Tây	9	0	2
III	Hải đảo	3	1	2
1	Lý Sơn	3	1	2
TỔNG CỘNG		164	33	89

Phụ lục 3:**TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG XÃ ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA
VỀ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2011-2015***(Kèm theo Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 25/11/2011
của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

TT	Huyện	Tổng số xã xây dựng NTM	Tiến độ thực hiện 2011-2015				
			2011	2012	2013	2014	2015
I	Đồng bằng	97			2	14	28
1	Bình Sơn	24			1	2	3
2	Sơn Tịnh	20				2	4
3	Tư Nghĩa	16			1	3	5
4	Nghĩa Hành	11				4	9
5	Mộ Đức	12				2	4
6	Đức Phổ	14				1	3
II	Miền núi	64				0	4
1	Trà Bồng	9					1
2	Tây Trà	9					0
3	Sơn Hà	13					1
4	Sơn Tây	9					0
5	Minh Long	5					1
6	Ba Tơ	19					1
III	Hải đảo	3			0	0	1
1	Lý Sơn	3					1
Tổng cộng		164			2	14	33

Phụ lục 4:
DANH SÁCH CỤ THỂ 33 XÃ PHÂN ĐẦU ĐẠT TIÊU CHUẨN
QUỐC GIA VỀ NÔNG THÔN MỚI ĐẾN NĂM 2015
(Kèm theo Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 25/11/2011
của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Gồm các xã	Ghi chú
1	Huyện Bình Sơn, gồm: Bình Dương, Bình Thới, Bình Trung.	03 xã
2	Huyện Sơn Tịnh, gồm: Tịnh Khê, Tịnh Châu, Tịnh Giang, Tịnh Trà.	04 xã
3	Huyện Tư Nghĩa, gồm: Nghĩa Thương, Nghĩa Phương, Nghĩa Kỳ, Nghĩa Lâm, Nghĩa Hòa.	05 xã
4	Huyện Nghĩa Hành, gồm: Hành Thuận, Hành Thịnh, Hành Đức, Hành Thiện, Hành Dũng, Hành Phước, Hành Minh, Hành Trung và Hành Nhân.	09 xã
5	Huyện Mộ Đức, gồm: Đức Thạnh, Đức Nhuận, Đức Hòa và Đức Tân.	04 xã
6	Huyện Đức Phổ, gồm: Phổ Ninh, Phổ Vinh, Phổ Hòa.	03 xã
7	Huyện Trà Bồng: xã Trà Bình	01 xã
8	Huyện Sơn Hà: xã Sơn Thành	01 xã
9	Huyện Minh Long: xã Long Sơn	01 xã
10	Huyện Ba Tơ: xã Ba Chùa	01 xã
11	Huyện Lý Sơn: xã An Hải	01 xã
	Tổng cộng	33 xã